

CHÂU Á TRONG THẾ CÂN BẰNG: MỸ VÀ "SỰ TRỖI DẬY HOÀ BÌNH" CỦA TRUNG QUỐC

Robert Sutter*

"Sức mạnh của Mỹ ở châu Á vẫn còn ghê gớm... Các nhà lãnh đạo Trung Quốc có vẻ nhận thức được điều này khi việc chấp nhận vai trò lãnh đạo của Mỹ ở châu Á và trong các vấn đề thế giới, như một phần của chiến lược lâu dài nhằm phát triển hoà bình mà không cần lật đổ Mỹ".

Được hỗ trợ bởi nền kinh tế năng động và sức mạnh quân sự đã được củng cố, Trung Quốc đang xây dựng phương pháp ngày càng mềm dẻo và ôn hoà đối với các nước láng giềng châu Á trong thập kỷ qua. Kết quả là một sự mở rộng ảnh hưởng đáng kể ở khu vực. Các nhà lãnh đạo cấp cao Trung Quốc luôn có lịch trình bận rộn, gặp các đối tác châu Á từ các nước nhỏ cũng như các nước lớn. Trung Quốc đưa ra nhiều sáng kiến về văn hoá, an ninh, chính trị, và kinh tế để thúc đẩy các cuộc gặp gỡ đa phương và song phương gần gũi hơn. Bắc Kinh thậm chí còn thể hiện sự linh hoạt một vài vấn đề lãnh thổ mà trong quá khứ nước này vẫn giữ thái độ quả quyết và cứng rắn.

Các tác động của những nỗ lực này gần như tạo điều kiện thuận lợi cho các ảnh hưởng của Trung Quốc trên toàn khu vực, ngoại trừ Đài Loan và, có thể, Nhật Bản. Lợi ích lớn nhất thu được từ Hàn Quốc và một số nước ở Đông Nam Á. Tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh của Trung Quốc đã thu hút hoặc thúc ép các doanh nhân ở các khu vực này

tìm kiếm các mối quan hệ gần gũi hơn với Trung Quốc, trong khi chính sách ngoại giao khôn khéo và thiện chí của Trung Quốc trong việc giải quyết các vấn đề của Hàn Quốc và một vài quốc gia Đông Nam Á đã được giới quan chức tại các quốc gia đó đánh giá cao. Trong mấy năm qua, một "cơn sốt Trung Quốc" đã tràn vào Hàn Quốc, cùng với việc giới ưu tú và dư luận chung cho rằng Trung Quốc đáng được quan tâm hơn bất cứ siêu cường nào khác. Mong muốn ngày càng rõ rệt của Bắc Kinh về việc cộng tác gần gũi với các tổ chức trong khu vực - tiêu điểm là Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) - kết hợp với sự năng động về mặt kinh tế của Trung Quốc và sự linh hoạt với các vấn đề lãnh thổ giúp cho việc đạt được sự ủng hộ to lớn của những nước láng giềng Đông Nam Á.

Ghi nhận về thành tựu tích cực nói chung ở châu Á cũng đi liền với một số tranh cãi giữa Trung Quốc và các quan sát viên của nước ngoài về những mục tiêu đằng sau phương pháp tiếp cận mới này. Người ta đi đến thống nhất rằng, tuy vẫn vấp phải những vấn đề khó khăn về kinh tế và chính trị trong nước, các nhà lãnh đạo Trung Quốc đang tìm kiếm một môi trường ổn định ở châu Á cho phép họ tập trung vào những mối quan tâm trong nước. Lo ngại những người láng giềng châu Á có thể phản ứng lo lắng, và có lẽ cố chống lại ảnh hưởng và quyền lực ngày càng

tăng của Trung Quốc, Bắc Kinh đã theo đuổi một chính sách ngoại giao năng động để giảm bớt những quan ngại của khu vực về “mối đe dọa” Trung Quốc. Trong khi đó, quá trình hiện đại hoá có ý nghĩa cần thiết đối với sự ổn định bên trong của Trung Quốc và sức mạnh lớn hơn trên phạm vi quốc tế, và các nền kinh tế châu Á là một điểm trọng tâm trong mối quan tâm của Trung Quốc. Những nỗ lực của Trung Quốc nhằm cô lập và tạo áp lực với Đài Loan cũng là một nguyên nhân khiến Bắc Kinh cải thiện mối quan hệ với quốc gia châu Á khác nhằm giảm bớt khả năng các nước này quan hệ với Đài Loan theo những cách không được Bắc Kinh tán thành.

Mỹ không bỏ qua tầm quan trọng của những thay đổi này. Một số chuyên gia của Mỹ - nhắc lại những lời phản đối mạnh mẽ trong quá khứ của Trung Quốc đối với sự lãnh đạo của Mỹ trong khu vực, cho rằng Trung Quốc muốn mở rộng ảnh hưởng của mình làm mất uy tín và làm suy yếu vị trí của Mỹ tại châu Á. Những người khác lại có quan điểm trái ngược, lưu ý đến sự điều chỉnh các chính sách ngoại giao của Bắc Kinh đối với Mỹ và những nỗ lực của Trung Quốc nhằm tìm những quan hệ hợp tác và đối tác với Mỹ trong việc giải quyết các vấn đề của châu Á. Khuôn khổ chính sách ngoại giao mới đây nhất của Trung Quốc đối với khu vực này - nhấn mạnh vào “sự trở dậy hoà bình” của Trung Quốc ở châu Á - dường như ủng hộ quan điểm thứ hai, mặc dù các nhà lãnh đạo Bắc Kinh vẫn tiếp tục tranh cãi và thảo luận về khuôn khổ đó.

Thực thi “sự trở dậy hoà bình”

Phương pháp tiếp cận mới của Trung Quốc đối với châu Á còn bao gồm các cuộc hội nghị thượng đỉnh được lặp lại nhiều lần và những cuộc thảo luận chính trị, kinh tế, dân sự cấp cao khác với các nhà lãnh đạo châu Á. Trung

Quốc cũng hoạt động rất tích cực ở các tổ chức đa phương. Trung Quốc đã tham gia những thoả thuận về thương mại tự do và các sáng kiến về an ninh với ASEAN, tăng cường các mối quan hệ với Nga và Trung Á. Trong khi đó, thương mại của Trung Quốc đã mở rộng mạnh mẽ, thu hút mối quan tâm tích cực rộng khắp từ những quốc gia láng giềng đang nóng lòng muốn nắm bắt những cơ hội thuận lợi của Trung Quốc nhưng lại e ngại về khả năng cạnh tranh do những tiến bộ nhanh chóng của Trung Quốc. Trung Quốc đã trở thành thị trường nhập khẩu chính của các nước Hàn Quốc, Nhật Bản và Đài Loan.

Các nhà lãnh đạo và các quan chức của Trung Quốc nhìn chung tránh những hành động quả quyết có tính chất phòng thủ đặc trưng cho chính sách của Trung Quốc ở châu Á trong quá khứ, cố gắng xem có thể điều chỉnh cho phù hợp với lợi ích của các nhà nước châu Á nhỏ hơn hay không. Năm 2002, Bắc Kinh đã tiến đến một hiệp định nhằm giải quyết tranh chấp các hòn đảo ở Biển Đông với một số quốc gia châu Á khác. Nó cũng bắt đầu điều chỉnh những chỉ trích của mình về Mỹ. Trong thập kỷ 90 của thế kỷ XX, Trung Quốc nhìn chung áp dụng phương pháp tiếp cận tích cực đối với các nước láng giềng châu Á cùng với cách nói và những hành động nhằm làm suy yếu vị trí của Mỹ trong khu vực. Nó tấn công các liên minh của Mỹ và “tư tưởng chiến tranh lạnh”, đồng thời khuyến khích các nhà nước châu Á theo đuổi những chính sách không lệ thuộc vào sự lãnh đạo của Mỹ (các quan chức Trung Quốc có xu hướng coi đó là “sự bá chủ”). Sự chỉ trích này đối với Mỹ đã được giảm bớt đáng kể vào khoảng giữa năm 2001, trước khi xảy ra sự kiện tấn công khủng bố ngày 11/9 nhằm vào nước Mỹ, khi các nhà lãnh đạo Trung Quốc cho rằng những lợi ích của họ được đáp ứng tốt hơn thông qua sự hợp tác chứ không

phải là sự đối chọi với siêu quyền lực của Mỹ.

Một tư tưởng thực dụng tương tự cũng có ảnh hưởng đến quan hệ Trung - Nga. Trong những năm 1990, Bắc Kinh đã dựa vào Nga để tìm kiếm sự ủng hộ chống lại Mỹ, và Nga là nguồn cung cấp vũ khí hiện đại chủ yếu của Trung Quốc. Sự hợp tác quân sự Trung - Nga tiếp tục diễn ra một cách êm ả, và các quan hệ thương mại đã phát triển từ một nền tảng tương đối thấp. Tuy nhiên, từ đầu năm 2001, Tổng thống Vladimir Putin đã thấy những lợi ích của Nga được đáp ứng tốt hơn bởi mối quan hệ mang tính chất xây dựng với Mỹ, và ông bớt nhấn mạnh vào những chủ đề chống Mỹ trong quan hệ với Trung Quốc. Ngoài ra, Putin ít thể hiện sự hứa hẹn với mối quan hệ của Trung Quốc khi Nga sử dụng chiến lược để đạt được những thỏa thuận có lợi trong việc bán dầu mỏ của Siberia cho những người mua ở Trung Quốc và Nhật Bản. Các quan chức Trung Quốc đã đi đến thừa nhận rằng "quan hệ đối tác chiến lược" phụ thuộc vào những điều chỉnh của các nhà lãnh đạo Nga đang theo đuổi những lợi ích quốc gia hạn hẹp. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc phản ứng trên quan điểm thực dụng đối với những hoàn cảnh thay đổi này, ít chờ đợi sự giúp đỡ hơn từ phía Nga khi giải quyết những bất đồng riêng của họ với Mỹ.

Tuy nhiên, Trung Quốc đã liên kết với Nga và bốn nhà nước Trung Á - Kazakhstan, Tajikistan, Uzbekistan và Kyrgyzstan - nhằm giải quyết các vấn đề khủng bố, an ninh biên giới và hợp tác kinh tế trong phạm vi tổ chức của khu vực gọi là Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO). SCO loại trừ và dường như chống lại ảnh hưởng của Mỹ và phương Tây ở Trung Á, song tổ chức này phải điều chỉnh để thích nghi với sự phát triển đột ngột về sức mạnh và hoạt động triển khai quân sự của Mỹ trong khu vực như là cuộc chiến tranh ở

Afghanistan năm 2001. Là nước ủng hộ về mặt tài chính và chính trị hàng đầu của SCO, Trung Quốc đã tiếp tục mở rộng ảnh hưởng của nó ở Trung Á, nhận ra rằng hầu hết các chính phủ trong khu vực vẫn dành sự ưu tiên cao hơn cho mối quan hệ của họ với châu Á hay phương Tây.

Trong một cách minh họa khác về phương pháp tiếp cận mới của Mỹ với châu Á, Bắc Kinh đã theo đuổi một quá trình phối hợp chậm với Ấn Độ trong khi duy trì sự hỗ trợ tích cực dành cho đối thủ chiến lược của Ấn Độ là Pakistan. Sự hấp dẫn và tính cạnh tranh của nền kinh tế Trung Quốc đã tạo lợi nhuận kinh doanh cho Ấn Độ, và thương mại đã tăng trưởng từ mức tương đối thấp. Phương pháp tiếp cận của Trung Quốc đối với New Delhi đã có ảnh hưởng tích cực tới ý kiến của giới ưu tú và các quan chức Ấn Độ, song họ vẫn thận trọng với những mục tiêu của Trung Quốc, đặc biệt do sự hỗ trợ tiếp tục đối với Pakistan. Một số nhà lãnh đạo Ấn Độ lo ngại về việc Trung Quốc mở rộng ảnh hưởng mình ở Myanmar và một số nơi khác ở Nam Á - vốn xung đột với những lợi ích về an ninh của Ấn Độ.

Nền kinh tế đang bùng nổ của Trung Quốc cũng đã làm thay đổi các quan hệ với Australia, một cường quốc trên phạm vi lục địa khác trong khu vực. Nền công nghiệp Trung Quốc ngày càng có ý nghĩa quan trọng đối với các nhà xuất khẩu nguyên liệu thô của Australia, mặc dù các nhà sản xuất của Australia nhận thấy cũng nhận thấy nguy cơ phải đối mặt với sự cạnh tranh từ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Chính sách ngoại giao khôn khéo của Trung Quốc đã khiến Australia có xu hướng không muốn phá huỷ mối quan hệ có lợi với Trung Quốc trong khi chính phủ Australia tiếp tục sát cánh cùng các đồng minh của Mỹ.

Phía sau sự điều tiết mới

Đâu là những gợi ý về các chính sách điều tiết của Trung Quốc và sự ảnh hưởng ngày càng tăng trong khu vực đối với vai trò lãnh đạo của Mỹ ở châu Á?

Mặc dù Đảng, Chính phủ và các chuyên gia quân sự Trung Quốc có thể nêu ra những nét chính về mục đích và phạm vi của phương pháp tiếp cận có điều tiết đối với sự phát triển trong nước và chính sách ngoại giao được đặt dưới tiêu đề "sự trỗi dậy hòa bình", nhưng họ thừa nhận vẫn tồn tại những vấn đề tranh cãi và tình trạng bất ổn định do quá trình xây dựng một chính sách vững chắc vẫn chưa hoàn thành. Những cuộc thảo luận diễn ra vào giữa năm 2004 với sự tham gia của 50 quan chức Trung Quốc và các chuyên gia ở Bắc Kinh và Thượng Hải, các quan chức và các chuyên gia của những tổ chức phi chính phủ ở Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Australia, và Ấn Độ, đã làm rõ tầm quan trọng của tư tưởng chiến lược của các nhà lãnh đạo Trung Quốc đối với những lợi ích của Mỹ trong khu vực.

Tương phản với ý kiến bình luận của phương Tây - mô tả chiến lược mới của Trung Quốc như là bằng chứng về sự tự tin lớn hơn của các nhà lãnh đạo trong việc giải quyết các vấn đề trong nước và nước ngoài, hầu hết các quan chức Trung Quốc khi được phỏng vấn đã nhấn mạnh sự thiếu tự tin và những mối lo ngại của Trung Quốc. Ngoài những mối lo ngại và một số vấn đề trong nước, tình trạng bất ổn định chủ yếu về mặt quốc tế mà họ đề cập đến liên quan tới Mỹ. Cụ thể là họ thấy rằng các cường quốc mới lớn mạnh trong quá khứ, như Đế quốc Đức trước Chiến tranh thế giới lần thứ nhất và Đế quốc Nhật trước Chiến tranh thế giới lần hai, trở nên mạnh mẽ theo hướng thách thức trật tự quốc tế hiện hành. Trước sự kiện đó, những cường quốc

khác liên minh lại và tiêu diệt các quốc gia này.

Các quan chức Trung Quốc coi Mỹ là cường quốc thống trị trong các vấn đề của châu Á và của thế giới, đồng thời là mối đe dọa tiềm ẩn trên phạm vi quốc tế có thể cản trở và gây khó khăn đối với sự phát triển và quá trình tăng cường quyền lực của Trung Quốc. Mối quan tâm của Mỹ với tình trạng sa lầy ở Iraq về cơ bản không làm thay đổi quan điểm của Trung Quốc về quyền lực của Mỹ. Trong những hoàn cảnh này, các quan chức và các chuyên gia của Trung Quốc nói rằng họ khẳng định Mỹ không coi sự lớn mạnh của Trung Quốc như là một thách thức đối với Mỹ. Để giảm khả năng dẫn đến hậu quả này, họ đã tích cực củng cố các xu hướng có dấu hiệu từ giữa năm 2001, với việc giảm những chỉ trích về hàng loạt các hoạt động cũng như chính sách đối nội và đối ngoại của Mỹ. Ví dụ, các quan chức Trung Quốc nói rằng Bắc Kinh sẵn sàng hạn chế những chỉ trích về "sự bá quyền của Mỹ". Nhìn chung các quan chức Trung Quốc đã cố gắng giảm bớt sự chỉ trích về các chính sách và hành vi của Mỹ trong các vấn đề liên quan đến Đài Loan. Trong khi đó các quan chức Trung Quốc khẳng định rằng họ chấp nhận sự lãnh đạo của Mỹ trong các sự kiện Châu Á và thế giới.

Các quan chức và các chuyên gia nhấn mạnh phương pháp tiếp cận ôn hoà của Trung Quốc là có tính chiến lược và dài hạn. Tuy nhiên họ còn cho rằng phương pháp đó cũng phụ thuộc vào hoàn cảnh, đáng chú ý là một phản ứng mang tính xây dựng của Mỹ đối với chính sách ôn hoà của Trung Quốc.

Những bất đồng giữa Mỹ và Trung Quốc về vấn đề Đài Loan thể hiện một thách thức trực tiếp trên phương diện này. Như Cố vấn an ninh quốc gia của Mỹ, Condoleezza, đã nhận thấy trong các cuộc họp tại Trung Quốc vào tháng 7/2004, các quan chức và các chuyên gia

của Trung Quốc muốn chính quyền Bush làm nhiều hơn để hạn chế các dấu hiệu và hành động của chính phủ Đài Loan nhằm hướng tới một tình trạng độc lập chính thức hơn cho quần đảo này. Họ muốn Mỹ cắt giảm viện trợ quân sự đối với Đài Loan, và họ thất vọng khi Mỹ tiếp tục hỗ trợ như vậy qua việc tìm cách ngăn chặn Trung Quốc sử dụng vũ lực đối với Đài Loan.

Các quan chức và các chuyên gia Trung Quốc cũng thừa nhận rằng Nhật Bản đã đặt ra một vấn đề đặc biệt cho phương pháp tiếp cận hoà bình và ôn hoà của Trung Quốc đối với châu Á, và sự ủng hộ của Mỹ dành cho Nhật Bản cũng liên quan tới vấn đề này. Do đó, Trung Quốc ít thể hiện thái độ ôn hoà đối với Nhật Bản hơn là với Mỹ, Ấn Độ hay các quốc gia khác mà các quan chức Trung Quốc và ý kiến bình luận đã nhằm vào trong quá khứ. Các quan chức và các chuyên gia nói rằng vấn đề cơ bản là chế độ chính trị trong nước của Trung Quốc, cũng như của Nhật Bản - khiến cho hai quốc gia khó có thể điều tiết những bất đồng về các vấn đề lịch sử, lãnh thổ và các tranh chấp khác. Không có gì đáng ngạc nhiên, giới quan chức Nhật Bản có nhiều quan điểm khác nhau về sự tăng cường quyền lực và ảnh hưởng của Trung Quốc tại châu Á. Nhìn chung, họ chào đón sự hợp tác kinh tế với Trung Quốc, song một số quan chức và chuyên gia của Nhật Bản nói thẳng rằng Nhật Bản chỉ có thể hiểu rõ các mục đích hoà bình của Trung Quốc, khi học thuyết quân sự, hoạt động triển khai quân đội và những cải thiện về lực lượng của Trung Quốc phản ánh rõ nét xu hướng hoà bình. Một phần kết quả là, các quan chức Nhật Bản tiếp tục dựa vào sự liên minh về an ninh với Mỹ.

Các quan chức và các chuyên gia Trung Quốc cũng thừa nhận rằng Mỹ có thể khó khăn trong việc nắm bắt đầy đủ và phản ứng lại với phương pháp tiếp

cận ôn hoà của Trung Quốc. Giới quan chức Mỹ ngạc nhiên với chính sách ôn hoà gần đây của Bắc Kinh, với việc chấp nhận sự lãnh đạo của Mỹ trong các sự kiện ở châu Á và thế giới, và với việc thu hẹp những bất đồng trong quan hệ Trung Quốc - Mỹ, để tập trung vào vấn đề đài Loan. Mặc dù Trung Quốc không phải là mục tiêu hàng đầu trong việc thảo luận về chính sách đối ngoại của Mỹ như thời gian trước ngày 11/9/2001, Mỹ vẫn có những bất đồng ngày càng tăng với các chính sách và các quyết định của Trung Quốc về các giá trị, những vấn đề kinh tế, mối quan tâm về an ninh và vấn đề chủ quyền không thể không lên tiếng bởi sự thay đổi lập trường của Trung Quốc theo chiều hướng ôn hoà hơn. Thêm nữa, những người lập kế hoạch an ninh của Mỹ, giống như các nhà hoạch định kế hoạch an ninh của Nhật Bản, chỉ có thể hiểu rõ mục đích hoà bình của Trung Quốc khi Trung Quốc giảm nỗ lực hiện đại hoá quân sự mạnh mẽ nhằm vào Đài Loan và nhằm vào lực lượng quân đội Mỹ có thể can thiệp vào tiểu quốc Đài Loan.

“Chiến lược Gulliver” của Trung Quốc

Các quan chức và các chuyên gia Trung Quốc hy vọng Mỹ sẽ phản ứng với chính sách ngoại giao ôn hoà của Trung Quốc bằng cách phát triển mối quan hệ gần gũi hơn với Bắc Kinh và điều chỉnh những mối quan tâm của Trung Quốc liên quan đến Đài Loan và Nhật Bản. Song họ cũng thừa nhận rằng sự trỗi dậy hoà bình của Trung Quốc có những lợi ích đối với Trung Quốc, thậm chí cả khi Mỹ phá hỏng những kỳ vọng của Trung Quốc. Đặc biệt, cách tiếp cận châu Á của Bắc Kinh đã mở rộng ảnh hưởng tích cực của Trung Quốc trong vòng ngoại vi của nó. Các sáng kiến kinh tế và ngoại giao gần

đây đã tạo ra vùng đệm bao quanh Trung Quốc - khiến cho Mỹ khó khăn trong việc giành được sự hợp tác của các nước châu Á khi Mỹ cố gắng gây áp lực hoặc kiểm chế Bắc Kinh. Ngoài ra, phạm vi mở rộng của những nỗ lực và những thoả thuận đa phương được sự ủng hộ của Trung Quốc có ý nghĩa như là một loại "chiến lược Gulliver" - ngăn chặn một chính sách quyết đoán hơn của Mỹ bằng cách ràng buộc nó với vô số các hạn chế trên phương diện đa phương.

Do đó, ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc ở châu Á được xem là chống lại ảnh hưởng của Mỹ và gia tăng những khó khăn mà Mỹ phải đối mặt trong khu vực. Toàn bộ sự lãnh đạo của Mỹ ở châu Á bị suy yếu do những mối quan ngại về tình trạng khó khăn trong lĩnh vực quân sự và chính trị kéo dài ở Iraq và Tây Nam Á, cũng như những mối quan tâm đối với tình trạng bất ổn định hay sự hợp tác thiếu vững chắc của các nhà nước trên mặt trận tiền tuyến trong cuộc chiến chống chủ nghĩa khủng bố như Afganistan, Pakistan và Indonesia. Ngoài ra, sự chiếm đóng Iraq của Mỹ đã thúc đẩy giới ưu tú ở châu Á và dư luận quần chúng tham gia vào làn sóng phản đối trên thế giới chống lại chủ nghĩa đơn phương và sự thống trị của Mỹ trong các vấn đề quốc tế.

Trong bối cảnh chiếm đóng Iraq và cuộc chiến chống chủ nghĩa khủng bố, các vấn đề phát sinh ở những nơi khác thuộc châu Á có xu hướng nhận được sự ưu tiên ít hơn của Mỹ, cho thấy vai trò của Mỹ trong khu vực đang suy yếu. Năm 2002, Bắc Triều Tiên phá vỡ cam kết không phổ biến hạt nhân và khôi phục các cơ sở hạt nhân đã ngừng hoạt động theo điều ước tại Hiệp định khung Mỹ - Bắc Triều Tiên năm 1994.

Những chia rẽ sâu sắc trong chính phủ Mỹ về cách giải quyết vấn đề Bắc Triều Tiên, những bất đồng mạnh mẽ

giữa Washington và Seoul về chính sách đối với Bắc Triều Tiên, gây cản trở cho một phản ứng hiệu quả của Mỹ. Cuối cùng Trung Quốc đã đồng ý đóng vai trò trung gian - điều này được Mỹ hoan nghênh; tổ chức các cuộc đàm phán ba bên (Mỹ, Bắc Triều Tiên và Trung Quốc) trong năm 2003 - sau đó là các cuộc đàm phán sáu bên trong năm 2003 và 2004 (thêm Nhật Bản, Hàn Quốc và Nga). Thực tế đã có một chút tiến triển, mặc dù tình hình Triều Tiên bề ngoài vẫn tĩnh lặng và tất cả các bên đều kiểm chế những kích động gay gắt. Ngày 9/12/2003, người ta thấy rõ một lập trường phản ứng tương tự của Mỹ khi Tổng thống George W. Bush đáp lại những động thái của Tổng thống Đài Loan hướng tới một nền dân chủ rộng lớn hơn và cảnh cáo ông về những nỗ lực nhằm thay đổi tình trạng hiện tại trong mối quan hệ với lục địa.

Những lợi thế của Mỹ

Sự tăng cường ảnh hưởng của Trung Quốc và những thách thức khác gần đây đối với Mỹ ở châu Á đã làm suy yếu và làm chệch hướng sự lãnh đạo của Mỹ trong khu vực. Tuy nhiên, những thách thức này cân bằng ở mức độ đáng kể thông qua những thế mạnh đang duy trì và những xu hướng có lợi ở châu Á đối với các chính sách và lợi ích của Mỹ. Thực tế, viễn cảnh về vai trò lãnh đạo của Mỹ trong việc thúc đẩy sự ổn định, sự phát triển và các giá trị của Mỹ ở châu Á vẫn mang tính tích cực.

Bất chấp việc chiếm đóng Iraq trước đây, chính quyền Bush đã điều chỉnh theo các cách thức căn cứ vào thực tiễn chung nhằm đối phó với những thách thức không mong đợi của châu Á, đặc biệt là bán đảo Triều Tiên - một khu vực được hầu hết các chính phủ châu Á quan tâm hơn so với Iraq. Trong khi cố gắng điều chỉnh hành động đơn phương ở những khu vực khác trên thế giới,

thực tế, chính quyền Bush đã tìm cách giải quyết cuộc khủng hoảng Bắc Triều Tiên và những vấn đề khác ở châu Á thông qua cam kết và thảo luận sâu rộng trên phạm vi quốc tế. Lẽ dĩ nhiên, sức mạnh vũ trang của Bắc Triều Tiên khiến cho Mỹ có ít khả năng lựa chọn quân sự hơn so với ở Iraq; việc dàn quân chiến lược của Mỹ ở Tây Nam Á gây hạn chế hơn đối với những lựa chọn của Mỹ chống lại Bắc Triều Tiên. Các nỗ lực của Bắc Triều Tiên nhằm triển khai vũ khí hạt nhân tiếp tục, và có thể thúc đẩy những chia rẽ mạnh hơn giữa Mỹ và các cường quốc châu Á hay trong chính phủ Mỹ. Tuy nhiên, trong khi đó, phản ứng của chính quyền Bush đối với thái độ cứng rắn gần đây của Đài Loan đã nhận được sự ủng hộ sâu rộng ở châu Á như là một phương pháp tiếp cận nhạy cảm được xây dựng để ổn định tình trạng khó khăn.

Bất chấp tranh cãi về quy mô và việc triển khai các lực lượng của Mỹ ở Hàn Quốc, chính phủ Hàn Quốc và Mỹ đã cố gắng giải quyết vấn đề gây tổn hại đến lợi ích của nhau - được hỗ trợ bởi sự hiện diện của lực lượng quân sự Mỹ. Trong khi đó, quá trình thăm dò ý kiến cho thấy hình ảnh của Mỹ ở một số nước châu Á đã bị lu mờ, nhưng nó cũng cho thấy hầu hết các kết quả thu được vẫn không làm mất đi hoàn toàn những quan điểm tích cực về vai trò của Mỹ và đại đa số dân chúng châu Á nhất trí rằng những lợi ích của họ sẽ bị tổn hại nếu Mỹ không còn là cường quốc thống trị thế giới.

Dưới chính quyền Bush, Mỹ vẫn duy trì các thị trường mở bất chấp những sai lầm đôi khi mắc phải - như các phong trào diễn ra trong năm 2002 nhằm bảo vệ các nhà máy chế tạo thép và nông dân Mỹ, hay những lời phàn nàn của chính quyền trong năm 2004 về tình trạng mất việc làm của Mỹ cho châu Á và giá trị tiền tệ bất hợp lý ở

Trung Quốc và Nhật Bản. Các chính phủ châu Á coi nền kinh tế Mỹ là động lực cấp thiết đối với sự thịnh vượng về kinh tế của châu Á. Mặc dù Trung Quốc là một động cơ mới cho sự tăng trưởng trong khu vực, nhưng triển vọng kinh tế của Mỹ vẫn có vai trò quan trọng hơn nhiều đối với sự phát triển của châu Á. Trong những năm gần đây, Mỹ đã thu hút một tỷ lệ phần trăm giá trị xuất khẩu ngày càng tăng từ Trung Quốc, nơi đang nổi lên như là một nền tảng xuất khẩu - sản xuất đối với các nhà đầu tư thuộc nhiều nền kinh tế châu Á tiên tiến (theo các quan chức chính phủ, tỷ lệ đó là 40%). Thị trường Mỹ tiếp tục thu hút 1/3 giá trị xuất khẩu của Nhật Bản. Các nền kinh tế Hàn Quốc, Đài Loan, và các quốc gia ASEAN dựa vào thị trường Mỹ để thực hiện 20% giá trị xuất khẩu.

Phần này chủ yếu đề cập đến hoạt động thương mại đang tăng cường giữa châu Á và Trung Quốc, trên thực tế, thị phần thương mại của Trung Quốc có vai trò quan trọng và đang mở rộng. Tuy nhiên, năm 2003, thương mại của Mỹ với các đối tác thương mại chính của châu Á đã vượt qua thương mại của Trung Quốc với các nước này. Ví dụ, thương mại của Mỹ với các nước ASEAN vượt xa thương mại của Trung Quốc với các nước đó trong năm 2002. Đồng thời, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Mỹ tăng đáng kể ở Trung Quốc, nhưng vẫn ít hơn so với ở Australia, Hong Kong, Singapore, hay Nhật Bản.

Mặc dù đôi khi có những lời nói khoa trương nhằm ủng hộ tự do tôn giáo ở Trung Quốc hay lên án tình trạng đàn áp chính trị ở Myanmar, song chính sách của chính quyền Bush vẫn mang tính chất thực dụng trong việc đẩy mạnh nhân quyền, dân chủ, và các vấn đề chính trị ở châu Á. Khi Mỹ tìm kiếm liên minh và các nước ủng hộ trong cuộc

chiến chống khủng bố toàn cầu, Mỹ đã điều chỉnh phương pháp tiếp cận trong các lĩnh vực này: ví dụ, Mỹ không tìm cách đưa vấn đề nhân quyền của Trung Quốc trước Hội Đồng Nhân Quyền của Liên Hợp Quốc năm 2003. Việc điều chỉnh này nói chung được hoan nghênh ở châu Á. Sau cuộc tấn công ngày 9/11, Mỹ đã huy động sức mạnh kinh tế, chính trị, và quân sự, ít nhất ban đầu đã chứng tỏ sự áp đảo với đối phương và gây ấn tượng đúng lúc với các quốc gia châu Á.

Đứng giữa những chỉ trích của một số chuyên gia phi chính phủ của Mỹ và những lời phàn nàn trong các đội ngũ quân đội Mỹ, các sĩ quan Mỹ đã đẩy mạnh kế hoạch di chuyển lực lượng triển khai ở châu Á như là một phần của việc bố trí lại trên phạm vi toàn cầu, trong khi đó kéo dài các cam kết duy trì lực lượng quân trên quy mô lớn ở Iraq. Theo báo cáo, việc bố trí lại này liên quan đến các kế hoạch giảm quy mô lực lượng ở Tây Âu, mở rộng phạm vi các căn cứ và các điểm tiếp cận trong khi giảm toàn bộ quy mô căn cứ ở nước ngoài. Trên phương diện cân bằng, những thay đổi dường như không làm biến đổi tình hình đang phổ biến hiện nay ở châu Á. Một số nước trong khu vực này có thể mong muốn thách thức hay đối phó với Mỹ và có thể có khuynh hướng làm như vậy nhiều hơn nếu Mỹ được xem như là sa lầy ở Iraq. Tuy nhiên, hầu hết vẫn còn lưỡng lự trong việc này do thấy trước những nguy cơ họ sẽ phải đối mặt với sự phản đối của cường quốc thống trị trên thế giới, với vai trò lãnh đạo dường như được chuẩn bị để sử dụng sức mạnh đó để chống đối lại kẻ thù.

Trong khi đó, chính quyền Bush đã cải thiện các mối quan hệ của Mỹ với tất cả các cường quốc lớn ở châu Á. Việc này tăng cường sự lãnh đạo của Mỹ trong khu vực, và củng cố khả năng của

Washington trong việc giải quyết các cuộc khủng hoảng và tình trạng khó khăn của khu vực. Hiếm khi Mỹ đồng thời có mối quan hệ tốt đẹp với cả Nhật Bản và Trung Quốc, cả Ấn Độ và Pakistan, cả Bắc Kinh và Đài Bắc.

Cán cân ở châu Á

Về mặt cán cân, các lợi thế của phương pháp tiếp cận ôn hoà của Trung Quốc đối với Mỹ - được đưa ra trong chiến lược "trỗi dậy hòa bình" của Trung Quốc ở châu Á - xem có vẻ quan trọng đối với các lợi ích của Mỹ. Chủ trương ôn hoà của Trung Quốc đồng nghĩa với sự chỉ trích ít hơn của Bắc Kinh đối với chính sách của Mỹ ở Iraq, mặc dù Trung Quốc phản đối cuộc chiến tranh đó. Điều này cho phép chính quyền Bush nhấn mạnh các mối quan hệ với Trung Quốc như là thành tựu nổi bật. Đồng thời điều này tạo một không khí thuận lợi cho sự hợp tác giữa Mỹ và Trung Quốc về vấn đề Bắc Triều Tiên và cuộc chiến chống khủng bố. Có rất ít khả năng Mỹ sẽ quay trở lại chính sách kiềm chế Trung Quốc. Trong quá khứ, các nước châu Á không thể đứng về phía Mỹ chống lại Trung Quốc do quan ngại rằng Trung Quốc có thể phản ứng gay gắt; hiện nay các chính phủ châu Á không muốn phải làm như vậy do sợ làm tổn hại đến các lợi ích tích cực mà các nước nhận được từ Trung Quốc. Trong hai khả năng đó, từ lâu điều đã là sự thật rằng một chính sách ngăn cản của Mỹ chống lại Trung Quốc sẽ không giành được nhiều sự ủng hộ ở châu Á.

Khi các nước châu Á tỏ ra lưỡng lự trong việc lựa chọn giữa Mỹ và Trung Quốc; thì sẽ thật thiếu khôn ngoan nếu Mỹ phản ứng lại sự lớn mạnh của Trung Quốc bằng việc cố gắng cạnh tranh trực tiếp và đối lập với Bắc Kinh nhằm tranh giành ảnh hưởng đến khu vực này. Một phương pháp tiếp cận hiệu quả hơn sẽ được xây dựng dựa trên vai trò của Mỹ với tư cách là thế lực

hàng đầu ở châu Á và đối tác được lựa chọn về an ninh và kinh tế của khu vực. Tính chủ động ngày càng lớn hơn trong khu vực và sự nhạy cảm đối với những vấn đề của các nhà nước châu Á đang trải qua sự chuyển tiếp khó khăn (Hàn Quốc là một ví dụ điển hình) cũng sẽ tiến xa theo hướng cải thiện sự ảnh hưởng của Mỹ ở các khu vực quan trọng trên thế giới.

Do những khó khăn mà Mỹ đang phải đối mặt trong nước và ngoài nước, chính sách của Mỹ hướng về châu Á có thể sẽ vẫn tác động trở lại ở một chừng mực nào đấy. Mỹ không thể tìm ra một phương pháp tiếp cận lôi cuốn và toàn diện đối với khu vực này như Bắc Kinh đã theo đuổi. Tuy nhiên, không nên phóng đại những lợi ích của Trung Quốc. Cho đến tận bây giờ họ vẫn đạt được ít hơn so với những gì mà Nhật Bản thu được trong những năm 1980, khi nền kinh tế đang trở dậy của Nhật Bản đã khiến nhiều chuyên gia lập luận rằng Nhật Bản là quốc gia lãnh đạo ở châu Á và sự suy yếu của Mỹ ở châu Á trước ảnh hưởng về mặt kinh tế và chính trị của Nhật Bản sẽ còn tiếp tục.

Sức mạnh của Mỹ ở châu Á vẫn còn ghe gớm và sẽ tăng cường khi nền kinh tế Mỹ tăng trưởng và khi sức mạnh quân sự của Mỹ dường như tiếp tục phục vụ cho các lợi ích to lớn của châu Á trong việc ổn định khu vực. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc dường như nhận thức được điều này khi chấp nhận sự lãnh đạo của Mỹ ở châu Á và trong các vấn đề thế giới, như một phần của chiến lược dài hạn để phát triển hoà bình mà không cần lật đổ Mỹ. Nhận thức này thể hiện tình thế đảo ngược mạnh mẽ từ các nỗ lực của Trung Quốc sau thời kỳ chiến tranh lạnh để làm suy yếu sức mạnh siêu cường của Mỹ và tạo

ra một thế giới “đa cực”. Điều này phản ánh sự điều chỉnh rõ ràng trong thực tế và sự cân bằng về sức mạnh và ảnh hưởng giữa Mỹ và Trung Quốc vẫn đang tồn tại ở châu Á và trên thế giới.

Đôi nét về lịch sử hiện nay...

“Có những dấu hiệu cho thấy bản thân ông Mao không phải là người đi theo Moscow quá mù quáng giống như một số nhà lãnh đạo thuộc Đảng Cộng sản. Ông luôn khẳng định rằng Chủ nghĩa Marx phải được điều chỉnh để phù hợp với các điều kiện của Trung Quốc. Trong khi phê phán chủ nghĩa hình thức phi thực tế của các cán bộ trong đảng cách đây vài chục năm, nhiều lần ông chỉ ra rằng thật vô ích khi nghiên cứu các quy luật trừu tượng của chủ nghĩa Max mà không có sự hiểu biết chính xác các vấn đề thực tiễn của Trung Quốc. Liệu quan điểm ôn hoà của Mao hay quan điểm của nhóm thân Nga có tính chất cực đoan hơn sẽ chi phối các chính sách trong tương lai, điều này vẫn đang được xem xét... Phần lớn câu trả lời sẽ phụ thuộc vào các chính sách của nước Nga Xô Viết đối với Trung Quốc và các phản ứng của sinh viên, giới trí thức Trung Quốc - những người có vai trò nòng cốt trong dư luận công chúng- đối với những chính sách này. Trong khi chờ đợi, các chính sách của Mỹ cũng sẽ ảnh hưởng đến tiến trình của các sự kiện trong tương lai” ■

* Robert Sutter là giáo sư nghiên cứu các vấn đề châu Á thuộc trường Đại học Georgetown

Bản dịch của Viện Nghiên cứu Châu Mỹ

Nguồn: *Reference Update December 2004, Article 9*